

## Kỷ niệm 50 năm ngày ký Hiệp định Genève về Đông Dương (1954 - 2004)

## VỀ NHÂN TỐ QUỐC TẾ TRONG HỘI NGHỊ GENÈVE

Vũ Dương Ninh<sup>(1)</sup>

2h45 sáng 21 tháng 7 năm 1954, bản Hiệp định về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký tại Genève. Tiếp đó, Hiệp định về Lào, về Cao Miên lần lượt được ký. Để làm như Thủ tướng Pháp Mendès France đã giữ đúng lời hứa với Quốc hội trong lễ nhậm chức ngày 20.6.1954 là sẽ giải quyết xong cuộc đàm phán trong vòng một tháng, các văn bản đều ghi thời gian ký kết là 24h ngày 20.7.1954. Đến 15h ngày 21.7 phiên họp toàn thể đã đưa ra Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị, ghi tên đầy đủ 9 đoàn đại biểu tham gia gồm Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH) và 3 chính quyền do Pháp dựng lên ở Đông Dương. Theo nội dung Hiệp định, tiếng súng chiến tranh sẽ lần lượt chấm dứt tại Bắc Bộ vào ngày 27.7, tại Trung Bộ - 1.8, tại Lào - 6.8, tại Campuchia - 7.8 và tại Nam Bộ - 11.8. Thế là hòa bình đã được lập lại sau 9 năm kháng chiến gian khổ của nhân dân ba nước Đông Dương.

**“Ngoại giao ta đã thắng lợi to”**

Một ngày sau khi Hiệp định Genève được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước. Trong câu mở đầu, Người viết: “Hội nghị Genève đã kết thúc. Ngoại giao ta đã thắng lợi to” [1, tr.228]. Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng nhấn mạnh: “Đạt được Hiệp định nói trên là một thắng lợi vĩ đại của nhân dân và

quân đội ta đoàn kết, nhất trí, anh dũng chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của Đảng” [1, tr.233].

Thắng lợi của chúng ta tại Hội nghị Genève đã được khẳng định và cần phải khẳng định. Điều đó càng sáng tỏ khi chúng ta so sánh bối cảnh và nội dung những điều đã ký trong Hiệp định Genève với bản Hiệp định sơ bộ ngày 6.3.1946.

Về bối cảnh lịch sử, cuộc đàm phán năm 1946 diễn ra vào lúc Cách mạng tháng Tám vừa mới thành công. Chưa đầy 3 tuần lễ sau khi tuyên bố sự ra đời nước VNDCCH, thực dân Pháp núp dưới bóng quân Anh đã gây hấn ở Sài Gòn, ngọn lửa chiến tranh bùng phát, rồi nhanh chóng lan rộng khắp miền Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Ở miền Bắc, 200 ngàn quân Trung Hoa vào giải giáp quân Nhật, kéo theo các đảng phái phản động người Việt hòng chống phá cách mạng. Khi đó, tình thế nước ta vô cùng nguy hiểm, kẻ địch từ nhiều phía có thể câu kết để bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ. Việc ký kết Hiệp định sơ bộ là một tính toán sách lược vô cùng sáng suốt để tránh nguy cơ cùng một lúc phải chống lại nhiều kẻ thù và có thời gian cần thiết chuẩn bị cho cuộc chiến tranh khó bề tránh khỏi. Nhưng trải qua 9 năm kháng chiến, với những chiến thắng vang dội mà đỉnh cao là Điện Biên Phủ, đoàn đại biểu VNDCCH đã đến Hội nghị Genève trong một tư thế hoàn toàn khác.

<sup>(1)</sup> GS., Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vị thế của Việt Nam đã thay đổi, được thế giới biết tới như một quốc gia, một bên đối thoại không thể vắng, một thành phần chính thức tham gia hội nghị quốc tế ở Genève.

Về nội dung Hiệp định, có thể nhấn mạnh đến 3 điểm cơ bản sau đây:

*Một là*, trong Hiệp định sơ bộ năm 1946, phía Pháp ra sức tránh né từ “Độc lập” mà chỉ chịu công nhận Việt Nam là “một quốc gia tự do” với nội dung khá mơ hồ, mặc dầu đã ghi thêm “có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình”. Nhưng đến Hội nghị Genève năm 1954, Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị [4] đã xác nhận: “Hội nghị tin tưởng việc thi hành bản Tuyên bố và các Hiệp định đình chỉ chiến sự làm cho Cao Miên, Lào, Việt Nam từ nay có thể đảm nhận độc lập, chủ quyền hoàn toàn” (điều 2); “Hội nghị tuyên bố đối với Việt Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị, thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ...” (điều 7); “Hội nghị chứng nhận tuyên bố của Chính phủ Pháp sẽ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Cao Miên, Lào, Việt Nam” (điều 11). Như vậy là trong tổng số 13 điều của bản Tuyên bố thì đã có 3 điều nhắc đến vấn đề độc lập và chủ quyền. Lại nhớ rằng trong giai đoạn đầu của Hội nghị Genève, “Lập trường 9 điểm” của Pháp do Ngoại trưởng Bidault trình bày không có một câu nào dành cho giải pháp chính trị. Phía đối phương cố tình lảng tránh, chỉ nhằm giải quyết vấn đề quân sự là điều bức xúc nhất của họ sau thất bại ở Điện Biên Phủ. Nhưng trong bài đáp lại, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao

Phạm Văn Đồng đưa ra “Lập trường 8 điểm” thì điểm đầu tiên là Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Cao Miên. Đây là vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc, là mục tiêu hàng đầu của cuộc đấu tranh cách mạng. Cuối cùng, các nước đã xác nhận nền độc lập và chủ quyền của ba nước Đông Dương và hơn thế nữa, còn chứng nhận lời tuyên bố của chính phủ Pháp về vấn đề này. Đây cũng là điểm khác biệt cơ bản so với Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên 1953 chỉ bàn về vấn đề quân sự mà không nhắc đến vấn đề chính trị.

Đến năm 1973, với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Hiệp định Paris đã đưa vào điều 1: “Hoa Kỳ và các nước công nhận độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam như Hiệp định Genève đã công nhận”. Như vậy, kết quả của Hội nghị Genève được khẳng định một lần nữa trong văn bản của Hội nghị Paris với sự công nhận của Mỹ, điều mà 19 năm trước họ tuyên bố là không bị ràng buộc.

*Hai là*, về vấn đề quân sự. Hiệp định sơ bộ năm 1946 đã đồng ý để Pháp đưa 15 ngàn quân vào phía Bắc vĩ tuyến 16 thay thế quân Tưởng. Có nghĩa là quân đội Pháp đã từng bỏ chạy khỏi Đông Dương trong thời gian Thế chiến 2 nay được trở lại một cách chính thức, được đóng quân tại một số địa điểm quy định trong thời hạn 5 năm. Ai cũng hiểu rằng Pháp sẽ lợi dụng cơ hội này để từng bước lấn ta hòng tái chiếm Việt Nam. Đảng ta đã thấy rõ âm mưu của thực dân Pháp song chọn một bước lùi cần thiết để loại bỏ 200 ngàn quân Tưởng cùng bè lũ tay sai Việt Quốc, Việt

Cách và đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Đêm 19.12.1946, tiếng súng chiến tranh đã bùng nổ trong cả nước, quân dân ta bước vào cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Để rồi Hiệp định Genève đã xác nhận quân Pháp phải tập kết ở phía nam vĩ tuyến 17, sau đó rút khỏi Việt Nam. Bản Tuyên bố cuối cùng ghi rõ: "Hội nghị chứng nhận tuyên bố của chính phủ Pháp nói rằng sẵn sàng rút quân đội Pháp khỏi Cao Miên, Lào và Việt Nam..." (điều 10). Và trên thực tế, 300 ngày sau khi ký Hiệp định, quân Pháp rút khỏi miền Bắc, đến ngày 28.4.1956 quân Pháp rút hoàn toàn khỏi miền Nam. Qua đó, lãnh thổ miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta có điều kiện hòa bình xây dựng và sau này trở thành hậu phương vững chắc cho công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ba là, về mặt pháp lý, Hiệp định Genève là văn bản pháp lý đầu tiên mang tính quốc tế mà VNDCCH ký với Pháp. Trước đó đã có 2 văn bản được ký giữa hai bên là Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 và Tạm ước 14.9.1946. Song cả 2 văn bản trên đều mang tính cam kết, có tính quy ước giữa 2 bên liên quan. Còn Hiệp định Genève là kết quả một cuộc đàm phán kéo dài tại một hội nghị quốc tế có ngoại trưởng - những người có đủ thẩm quyền đại diện quốc gia - của 5 nước lớn và các bên liên quan tham gia. Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị đã chứng nhận những nội dung của Hiệp định. Điều đó có nghĩa là quốc tế đã xác nhận những điều khoản của Hiệp định và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện. Với cơ sở pháp lý đó, chúng ta tiến hành!

đấu tranh đòi thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Genève và sau này vận dụng vào Hội nghị Paris để được ghi nhận như điều 1 của Hiệp định Paris.

Như vậy những điểm so sánh về hai Hiệp định cho thấy những kết quả mà quân dân ta đã đạt được sau 9 năm kháng chiến kiên cường. Đó chính là "thắng lợi to lớn" chẳng những trên mặt trận ngoại giao mà nó phản ánh thắng lợi về chính trị, quân sự và pháp lý trên bước đường đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

### **Hội nghị quốc tế bàn về chiến tranh Đông Dương**

Những cuộc đàm phán giữa ta và Pháp năm 1946 đều là những cuộc đối thoại song phương giữa đại biểu VNDCCH với đại biểu Cộng hòa Pháp ở Hà Nội, Đà Lạt và Fontainebleau. Bên cạnh đó, còn phải kể đến những cuộc gặp trực tiếp giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Sainteny tại Hà Nội, với D'Argenlieu tại Hạ Long, với Moutet tại Paris và cuộc thăm chính thức nước Pháp của Người theo lời mời của chính phủ Pháp. Tất cả những nỗ lực duy trì hòa bình của Việt Nam đều không đem lại kết quả trước thái độ ngoan cố của thực dân Pháp, và cuối cùng, chiến tranh đã bùng nổ trong cả nước.

Cuộc hòa đàm Paris kéo dài từ năm 1968 đến 1973 cũng là những cuộc thương thuyết song phương. Tuy là Hội nghị 4 bên nhưng thực chất vẫn là cuộc đàm phán giữa ta (gồm VNDCCH và đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam) với phía Mỹ (gồm Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn). Và yếu tố quyết định chính là hai bên đối thoại Việt Nam và Hoa Kỳ.

Hội nghị Genève năm 1954 thì khác, đây là một hội nghị quốc tế bàn về chiến tranh Đông Dương. Trở lại hồi đầu thập niên 50, khi đó sự phân hóa hai phe của Chiến tranh lạnh trên phạm vi thế giới đã bộc lộ rõ ràng. Cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953 với sự tham chiến trực tiếp của quân Mỹ đứng về phía Hàn Quốc và của quân Chí nguyện Trung Quốc đứng về phía CHDCND Triều Tiên đã thể hiện rõ nét thế trận hai phe. Tình hình Việt Nam không hoàn toàn giống như vậy. Ngay từ đầu, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam về bản chất là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà kẻ thù chính là thực dân Pháp. Từ năm 1950, Việt Nam nhận được sự viện trợ của Trung Quốc, Liên Xô trong khi Mỹ tăng cường viện trợ cho Pháp. Nhưng trên lãnh thổ này, ngoài một số cố vấn quân sự của cả hai bên, không có lực lượng quân đội nào khác tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh. Cho nên, tính chất của cuộc kháng chiến không thay đổi, đối thủ của cuộc kháng chiến vẫn là thực dân Pháp nhưng phải tính thêm bọn can thiệp Mỹ. Tuy vậy, ngoài ý nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, chiến trường Đông Dương cũng bắt đầu trở thành nơi thách thức giữa hai phe xã hội chủ nghĩa (XHCN) và đế quốc chủ nghĩa (ĐQCN). Nghĩa là trên một mức độ nhất định, cuộc chiến tranh Đông Dương đã bị lôi cuốn vào tiến trình quốc tế hóa. Diễn biến của chiến tranh Đông Dương đã trở thành mối quan tâm của các nước lớn trên thế giới bởi vì trực tiếp hay gián tiếp, kết cục của nó sẽ tác động vào lợi ích của mỗi bên trong tình hình căng thẳng của cuộc đấu tranh hai phe.

Đến đầu năm 1954, tại Hội nghị Berlin, Liên Xô đưa ra đề nghị họp 5 nước

lớn (Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc) để bàn về vấn đề chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Đông Dương. Ngày 26.4.1954, Hội nghị Genève bàn về chiến tranh Triều Tiên khai mạc nhưng không đem lại kết quả. Ngày 3.5.1954, Liên Xô truyền đạt lời mời đoàn đại biểu VNDCCH tham dự Hội nghị Genève về Đông Dương và ngày hôm sau, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Phạm Văn Đồng đã tới Genève. Ngày 8.5, Hội nghị khai mạc với sự tham dự của 9 đoàn đại biểu gồm 5 nước lớn, VNDCCH và 3 đoàn của các chính phủ do Pháp dựng lên ở Đông Dương. Như vậy, việc triệu tập hội nghị cũng như thành phần tham gia hội nghị là hệ quả của những cuộc thương thảo giữa các nước lớn mà VNDCCH là một bên được mời tham dự. Quyển điều hành toàn bộ tiến trình Hội nghị thuộc về 2 đồng chủ tịch là Molotov (ngoại trưởng Liên Xô) và Eden (ngoại trưởng Anh).

Trong giai đoạn đầu của Hội nghị, với thái độ ngoan cố không chịu công nhận VNDCCH, ngoại trưởng Pháp Bidault luôn tìm cách bàn bạc với các đối tác lớn là Trung Quốc và Liên Xô về các vấn đề ngừng bắn, kể cả vấn đề thương binh ở Điện Biên Phủ mà tránh né việc gặp Trưởng đoàn Việt Nam. Nhưng do tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến và những ưu thế của Việt Nam trên chiến trường, là người có vai trò chủ động giải quyết các vấn đề thực địa nên người ta không thể qua mặt được đoàn VNDCCH. Kết quả là ngày 9.5, được sự đồng ý của VNDCCH, phía Pháp mới có thể tiến hành vận chuyển thương binh ra khỏi Điện Biên Phủ. Tiếp đó, lập trường 8 điểm của Việt



Nam cùng với lập trường 9 điểm của Pháp được coi là cơ sở để thảo luận tại Hội nghị. Và bên cạnh những phiên họp hẹp giữa các trưởng đoàn, đã tiến hành những cuộc tiếp xúc giữa đại diện 2 Bộ chỉ huy quân sự tại Genève (từ ngày 10.6) và tại Việt Nam (từ ngày 4.7 ở Trung Giã) để bàn những vấn đề cụ thể cho giải pháp ngừng bắn. Nhưng phải đến ngày 13.7 mới có cuộc gặp trực tiếp đầu tiên giữa hai trưởng đoàn Phạm Văn Đồng và Mendès France, người thay vị trí của Bidault.

Tuy vậy, những kênh giao tiếp bên ngoài Hội nghị đã được tiến hành khá dồn dập giữa đại diện các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc với Pháp, bàn thảo các vấn đề liên quan đến việc ngừng bắn và những vấn đề hậu chiến.

Trong thời gian Hội nghị tạm ngưng để các trưởng đoàn về nước (20.6 - 10.7), đã diễn ra 2 cuộc họp quan trọng bàn về vấn đề Đông Dương. Một là cuộc họp cấp cao Mỹ - Anh giữa Eisenhower và Churchill ở Washington ngày 29.6 quy định 7 điều kiện cho giải pháp Đông Dương đòi hỏi Pháp phải thực hiện khi đàm phán. Hai là cuộc gặp tại Liễu Châu (Quảng Tây) giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai bàn về giới tuyến quân sự và thời hạn tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Các cuộc họp đó cho thấy những điều bàn thảo và quyết định tại Genève là hệ quả của việc giải những bài toán mang tính quốc tế, không chỉ giữa 2 bên đương sự mà là giữa hai phe trên bình diện thế giới. Như vậy, về mặt ngoại giao, vấn đề Đông Dương - Việt Nam cũng đã được quốc tế hóa mà kết cục của nó tùy thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách

quan, chịu tác động của nhiều yếu tố bên ngoài vượt qua ý muốn của mỗi bên tham gia.

Việc nhìn lại bối cảnh lịch sử của thế giới đầu những năm 50 và những yếu tố quốc tế tác động vào tiến trình Hội nghị Genève là điều cần thiết để đánh giá khách quan về những điều đã đạt và chưa đạt trong Hiệp định Genève mà chúng ta nhìn lại sau 50 năm.

### **Hiệp định Genève - sau 50 năm nhìn lại**

Hiệp định Genève là một thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam. Thời gian tuy đã lùi xa, nhưng không phải đã hết bản khoản xoay quanh đôi điều đã ký kết. Tựu chung, có thể nêu lên 3 điểm sau đây về vị trí của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia tại Hội nghị; về giới tuyến quân sự tạm thời nên là 13, 16 hay 17, 18; Thời gian chuẩn bị tổng tuyển cử là 6 tháng, 1 năm hay 2 năm. Bài viết này không nhằm lý giải từng điểm mà chỉ nêu lên những tác động đối với các giải pháp của Hội nghị.

Trả lời câu hỏi này, trước hết nên nhắc lại "luật chơi" trên bàn đàm phán quốc tế. Trừ trường hợp đầu hàng không điều kiện mà bên thua phải chấp nhận mọi đòi hỏi của bên thắng còn trong các cuộc thương lượng, mỗi bên đều cố giành phần lớn nhất mà mình có thể, đồng thời phải nhân nhượng những điều mình chưa thể. Cho nên ngay sau khi Hiệp ước được ký kết thì mỗi bên đều có điều thỏa mãn và cũng có những điều chưa thỏa mãn, đó là lẽ thường tình. Cuộc đấu tranh lại tiếp tục với hy vọng của mỗi bên sẽ tiến lên một bước cao hơn. Hơn thế nữa, khi cuộc đàm phán được quốc tế hóa với nhiều bên tham gia thì trong khi tìm giải pháp cho cái chung, mỗi

bên đều tính đến phần thành quả cho riêng mình. Nhà nghiên cứu lịch sử ngoại giao Khắc Huỳnh viết rất đúng rằng: ‘Cho nên thực chất Hiệp định Genève là một thỏa hiệp quốc tế được các nước lớn sắp đặt, trong đó mỗi bên tham gia đều được một phần của chiếc bánh” [2]. Phần bánh đó to hay nhỏ tùy thuộc vào thực lực của mỗi bên và sự khôn khéo của mỗi đoàn đại biểu.

Trở lại bối cảnh lịch sử nửa đầu thập kỷ 50. Cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện ngày càng phát triển mạnh mẽ, được sự đoàn kết nhất trí của toàn thể nhân dân và sự đồng tình ủng hộ của các nước XHCN, của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, kể cả nhân dân Pháp. Quân dân ta đã thắng lớn trong nhiều chiến dịch, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại. Nhưng Hội nghị Trung ương lần thứ 6 diễn ra trước khi ký Hiệp định Genève một tuần lễ đã nhận định tình hình như sau: “Những thắng lợi ấy đã làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch biến chuyển có lợi cho ta nhưng chưa phải biến chuyển căn bản có tính chất chiến lược” [1, tr.223]. Nên lưu ý đầy đủ đến đoạn “chưa phải biến chuyển căn bản có tính chiến lược”. Đó là một nhận định sáng suốt và thực tế, đánh giá đúng mức tương quan lực lượng để có thể tìm điểm dừng cần thiết. Điều này không chỉ thu hẹp trong phạm vi quân sự mà ngay trong lĩnh vực ngoại giao, ta cũng chưa thể đàm phán trực tiếp tay đôi với Pháp khi mà cuộc chiến tranh Đông Dương đã mang tính quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Ta phải phân biệt lợi ích trước mắt và lợi ích tương lai, lợi ích bộ phận và lợi ích toàn bộ”, “tránh những tư

tưởng sai lầm có thể xảy ra như sau: tả khuynh, có người thấy thắng luôn, muốn đánh bừa, đánh đến cùng, họ chỉ thấy cây mà không thấy rừng, chỉ thấy Pháp rút mà không thấy âm mưu của chúng, chỉ thấy Pháp mà không thấy Mỹ, thiên về tác chiến, xem khinh ngoại giao” [1, tr.170].

Nhất là những biến chuyển trong tình hình quốc tế khi các nước lớn có xu hướng tìm giải pháp hòa hoãn thì các nước nhỏ cũng khó mà đi ngược lại xu hướng đó. Về phe ta, Trung Quốc, Liên Xô tích cực ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của các chiến dịch. Song tình hình các nước đó đòi hỏi làm dịu không khí căng thẳng ở vùng Đông Á. Điều Liên Xô quan tâm là vấn đề Tây Âu mà điểm nóng thường trực là vấn đề Berlin và nước Đức cùng mối đe dọa chủ yếu đến từ Mỹ và NATO. Nhất là sau khi Stalin từ trần thì xu hướng tìm kiếm sự hòa hoãn trong đường lối quốc tế của Liên Xô ngày càng rõ nét và sự không ổn định của hàng ngũ lãnh đạo cấp cao trong Đảng và Nhà nước cũng đòi hỏi một sự dàn xếp bên ngoài để giải quyết những vấn đề bên trong. Còn nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trong 5 năm sau ngày thành lập vẫn chưa thực sự ra khỏi tình hình thời chiến: 1. phải tiếp tục truy quét tàn quân Quốc dân đảng và luôn đề phòng sự phản công từ Đài Loan có Mỹ giúp sức; 2. tham gia trực tiếp cuộc chiến tranh Triều Tiên chống Mỹ; 3. viện trợ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống Pháp. Do vậy, Trung Quốc cần tạo dựng một môi trường hòa bình trong khu vực để có điều kiện phục hồi và xây dựng đất nước sau nhiều năm chiến tranh. Hơn thế nữa, lần đầu

tiên tham dự một hội nghị quốc tế, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thấy đây là cơ hội để nâng cao vị thế quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới, tranh thủ sự công nhận ngoại giao của các nước tư bản và bảo vệ an ninh ở phía nam. Cho nên, mặc dầu Trưởng đoàn Việt Nam ngay từ bài phát biểu đầu tiên đã đặt vấn đề về quyền đại diện hợp pháp của các lực lượng kháng chiến ở Lào và Campuchia thì các nước lớn đã thỏa thuận trong việc mời đoàn đại biểu của 2 chính phủ Viêngchăn và Phnom Penh theo Pháp cũng như mời đại biểu chính quyền bù nhìn Bảo Đại tham dự Hội nghị. Và Trung Quốc cũng đã tiến hành nhiều cuộc tiếp xúc với các đoàn đó kèm theo lời hứa hẹn công nhận ngoại giao với chính phủ Viêngchăn và Phnom Penh đổi lấy việc không có căn cứ quân sự nước ngoài ở Đông Dương.

Về phía đối phương, tình trạng sa lầy trên chiến trường buộc chính phủ Pháp phải tìm cách rút lui trong danh dự. Sự tính toán đó được Anh ủng hộ vì không muốn ảnh hưởng cách mạng lan rộng sang các thuộc địa của mình. Mỹ vừa muốn Pháp đẩy mạnh chiến tranh để giành ưu thế, vừa muốn thay thế Pháp trên địa bàn chiến lược này nhưng lại chưa thực sẵn sàng vì lo ngại xảy ra một Triều Tiên thứ hai. Trong bối cảnh đó, cuộc đình chiến ở Triều Tiên là bước đi đầu tiên của sự hòa hoãn giữa các nước lớn và được coi như một khuôn mẫu để giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương. Trên tinh thần như vậy, bản Hiệp định đã quy định giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17 và thời gian chuẩn bị tổng tuyển cử là 2 năm, không đúng như những điều đã bàn bạc tại Liễu Châu.

Về phía ta, khi trả lời phỏng vấn của báo Expressen (11.1953), Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý rằng “việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ VNDCCH với Chính phủ Pháp” [3], còn nếu có nước trung lập nào muốn xúc tiến việc thương lượng thì sẽ được hoan nghênh. Nhưng khi đó, vấn đề Đông Dương đã trở thành mối quan tâm quốc tế thì không còn là vấn đề có thể giải quyết song phương giữa Việt Nam và Pháp. Đoàn đại biểu ta lần đầu tiên tham gia một hội nghị quốc tế lớn, do điều kiện chiến tranh nên chưa thực sự bắt kịp những biến động đầy phức tạp trên thế giới cũng như chưa thấy hết ý đồ của các nước lớn, kể cả các nước đồng minh XHCN. Tuy vậy, về cơ bản, Đảng ta đã tính đến xu hướng chung của thế giới nên đề ra 3 nguyên tắc cho cuộc đàm phán, trong đó, “Đặt vấn đề Đông Dương vào trong vấn đề bảo vệ hòa bình và dân chủ thế giới đang giải quyết một cách thích đáng” [1, tr.185-186] và kiên trì giữ vững tinh nguyên tắc kết hợp với sự linh động đúng mức, căn cứ vào lực lượng so sánh giữa ta và địch. Có thể thấy ở đây chủ trương sách lược “Hòa để tiến” được vận dụng trong bối cảnh mới ở mức độ cao hơn năm 1946 để từ đó tiếp tục cuộc đấu tranh đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ những điểm trên, có thể thấy rằng Hiệp định Genève là sản phẩm của một quá trình vừa đấu tranh, vừa nhân nhượng giữa các bên tham gia cuộc đàm phán. Nó phản ánh tương quan lực lượng trên chiến trường giữa ta và Pháp, đồng thời chịu tác động chung của tình hình thế giới. Đoàn

dại biểu mỗi nước đều cố giành cho mình được phần có lợi nhất song vẫn không thể vượt ra khỏi khả năng thực tế và không thể không cân nhắc đến ý đồ của các bên đồng minh cũng như của đối phương. Trên nguyên tắc chung là có sự bình đẳng giữa các đoàn đại biểu, song cũng không thể phủ nhận một thực tế về mối quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ trong lịch sử quan hệ quốc tế.

Mặc dầu còn có mong muốn đạt được những điều có lợi hơn nhưng nhìn từ các khía cạnh, có thể thấy rằng trong bối cảnh lịch sử khi đó, Hiệp định Genève là một thắng lợi về chính trị và ngoại giao tương

ứng với những thắng lợi quân sự. Đồng thời, Hội nghị cũng để lại nhiều kinh nghiệm đấu tranh ngoại giao mà sau này được vận dụng thành công trong cuộc hòa đàm song phương Việt Mỹ ở Paris. Tuy rằng tình hình thế giới và các yếu tố quốc tế đã có tác động mạnh mẽ vào tiến trình Hội nghị Genève song vì tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, đường lối đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta và thắng lợi thực tế trên chiến trường, Hiệp định Genève chính là một thành công lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp, mở ra một thời kỳ mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị Quốc gia, H. 2001.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 169.
3. Khắc Huỳnh, Hội nghị Genève 1954 về Đông Dương sau 5 thập kỷ nhìn lại, *Tap chí Xưa & Nay*, Số 143, tháng 7-2003, tr. 7.
4. *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, NXB Chính trị Quốc gia, H., 2002, tr. 158-159.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T XX, N<sub>o</sub>3, 2004

#### The 50<sup>th</sup> Anniversary of Signing the Genève Agreement on Indochina (1954 -2004)

#### INTERNATIONAL FACTORS AT GENÈVE CONFERENCE

**Prof. Vu Duong Ninh**

*College of Social Sciences and Humanities - VNU*

The article comprises three parts as follows:

1. Analyzing the significance of the Genève Agreement 1954 on Indochina as compared with the Preliminary Agreement on 6<sup>th</sup> March 1946: France and the international community recognized Vietnam's independence, sovereignty and territorial integrity; the French troops regrouped south of the 17<sup>th</sup> parallel and then completely withdrew from Indochina; the Agreement also served as a legal foundation for the struggle in the next period.



2. Analyzing the international factors affecting the Genève conference and the perspectives of major powers of the two blocs in the Cold War. The involvement of the major powers influenced the convening and attendance of the conference as well as its process and resolutions.

3. Analyzing the accomplishments as well as the limits of the Genève Conference, and thereby explaining the influence of major powers in the search for compromises.

The article also points out that the just nature as well as the victory of the resistance war against the French was the main factors that brought about success to Vietnam revolution and ushered in a new stage of the cause for national liberation, independence and unification.